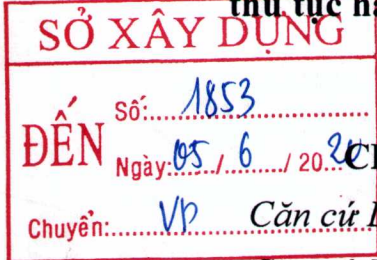


Số: **1411**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **04** tháng **6** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới;
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 634/TTr-SXD ngày 04/5/2020 và của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị, gồm có:

Phụ lục 1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng: 40 thủ tục.

Phụ lục 2. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xây dựng áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: 11 thủ tục.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC^(2b) / *my*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** / *me*



Hà Sỹ Đông

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng						
1	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP). 1.006930.000.00.00.H50	- Thẩm định dự án: Không quá 22 ngày làm việc (hai mươi hai) đối với dự án nhóm B và 14 ngày làm việc (mười bốn) đối với dự án nhóm C. - Thẩm định thiết kế cơ sở: Không quá 9 (chín) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 6 (sáu) ngày đối với dự án nhóm C. (Thời gian nói trên đã giảm 5 ngày so với quy định)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI	Thông tư số 209/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính		- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài
2	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của	Không quá 14 (mười bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI	Thông tư số 209/2016/TT-BTC; Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ		

	Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) 1.006938.000.00.00.H50				Tài chính		chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở; Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế, phí thẩm định dự toán xây dựng
3	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP) 1.006940.000.00.00.H50	Không quá 22 (hai mươi hai) ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III; Không quá 14 (mười bốn) ngày làm việc đối với các công trình còn lại. - Đối với nguồn vốn khác: Giảm 5 ngày so với quy định Không quá 17 (mười bảy) ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III; Không quá 9 (chín) ngày làm việc đối với các công trình còn lại.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI	Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính		
4	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô	- Đối với công trình của tổ chức: không quá 18 ngày làm việc (giảm 12 ngày). - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 8 ngày làm việc (giảm 07 ngày).	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều

	thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. 1.006949.000.00.00.H50						Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;
5	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. 1.007145.000.00.00.H50	- Đối với công trình của tổ chức: không quá 18 ngày làm việc (giảm 12 ngày). - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 8 ngày làm việc (giảm 07 ngày).	Trung tâm phục vụ hành chính công tình	Nộp hồ sơ trực tiếp		- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP	- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. - Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
6	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. 1.007187.000.00.00.H50	- Đối với công trình của tổ chức: không quá 18 ngày làm việc (giảm 12 ngày). - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 8 ngày làm việc (giảm 07 ngày).	Trung tâm phục vụ hành chính công tình	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP	
7	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn	- Đối với công trình của tổ chức: không quá 18 ngày làm việc (giảm 12	Trung tâm phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI		- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP;	

	giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. 1.007197.000.00.00.H50	ngày). - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 8 ngày làm việc (giảm 07 ngày).	công tỉnh			- Công trình: 200.000đ/GP	
8	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. 1.007203.000.00.00.H50	Không quá 5 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI		50.000 đồng/GP	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. - Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc
9	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp	Không quá 5 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP 	

	nước ngoài. 1.007207.000.00.00.H50						quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
10	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III ✓ 1.007304.000.00.00.H50	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/Trực tuyến/BCCI		1.000.000 đồng/chứng chỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng. - Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý dự án
11	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III 1.007357.000.00.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp		500.000 đồng/chứng chỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng. - Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý dự án

							đầu tư xây dựng - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng
12	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng) 1.007391.000.00.00.H50	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp		500.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.
13	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III 1.007394.000.00.00.H50	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		300.000 đồng/chứng chỉ.	- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
14	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn) 1.007402.000.00.00.H50	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/Trực tuyến/BCCI		150.000 đồng/chứng chỉ.	- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
15	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III 1.007399.000.00.00.H50	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/Trực tuyến/BCCI		150.000 đồng/chứng chỉ.	- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.
16	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		150.000 đồng/chứng chỉ.	

	1.007392.000.00.00.H50						✓	- Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng
17	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III 1.007396.000.00.00.H50	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		300.000 đồng/chứng chỉ.		
18	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) 1.007401.000.00.00.H50	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		150.000 đồng/chứng chỉ		- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.
19	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp 1.007403.000.00.00.H50	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		Không		- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

							<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng. ✓ - Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng
20	<p>Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C)</p> <p>1.007408.000.00.00.H50</p>	<p>Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tình</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI</p>		<p>Lệ phí: 2.000.000 Đồng (Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài: 2.000.000đ/giấy phép)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Thông tư 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây

							dựng hướng dẫn nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
21	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C) 1.007409.000.00.00.H50	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI		Không định quy	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Thông tư 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
II Lĩnh vực Nhà ở và công sở							
22	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền	- Trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư: Trong thời hạn 07 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp		Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở số 65/2014/QH13. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP

	của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP 1.007757.000.00.00.H50	làm việc. - Trường hợp đã có nhà đầu tư: Trong thời hạn 39 ngày làm việc (bao gồm cả thời gian trả lời của HĐND tỉnh).	công tỉnh				ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
23	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP 1.007758.000.00.00.H50	- Trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư: Trong thời hạn 07 ngày làm việc. - Trường hợp đã có nhà đầu tư: Trong thời hạn 32 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp		Chưa quy định	
24	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài 1.007748.000.00.00.H50	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp		Chưa quy định	
	Công nhận hạng/công nhận lại hạng chung cư 1.006873.000.00.00.H50	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI		Chưa quy định	- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13. - Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân hạng và công nhận hạng nhà chung cư
26	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư 1.006876.000.00.00.H50	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI		Chưa quy định	
27	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua 1.007750.000.00.00.H50	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI		Chưa quy định	- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

							của Luật Nhà ở.
28	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP 1.007761.000.00.00.H50	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp		Chưa quy định	- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
III Lĩnh vực Vật liệu xây dựng							
29	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng 1.006871.000.00.00.H50	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp /BCCI		150.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”. - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

							- Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29/9/2017 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.
--	--	--	--	--	--	--	--

Tổng cộng: 29 TTHC

2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Giám định nhà nước về chất lượng xây dựng công trình						
1.	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin 1.002621.000.00.00.H50	Thời hạn sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ thông tin, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và cập nhật lại thông tin của cá nhân, tổ chức và đăng tải trên trang thông tin điện tử theo quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI		Chưa quy định	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.
2.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bổ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI		Chưa quy định	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện hoạt động giám định tư

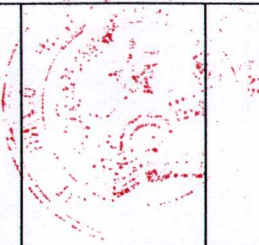
	dựng 2.001116.000.00.00.H50	nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.					pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.
✓ 3.	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động 1.002515.000.00.00.H50	30 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI		Chưa định	quy - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.
4.	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp		Do chủ đầu tư lập dự toán, thẩm định, phê duyet và được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

	dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. 1.002696.000.00.00.H50						
II Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản							
5.	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản 1.002625.000.00.00.H50	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp		200.000 đồng /chứng chỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bất động sản. - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản; điều hành, giao dịch bất động sản.
6.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư 1.002630.000.00.00.H50	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (23 ngày làm việc tại Sở Xây dựng và 07 ngày làm việc tại UBND tỉnh).	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp		Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở số 65/2014/QH13. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/20145 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
7.	Cấp mới chứng chỉ hành	Trong thời hạn 10 ngày	Trung tâm	Nộp hồ		200.000 đồng	

	<p>nghề môi giới bất động sản 1.002572.000.00.00.H50</p>	<p>làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>sơ trực tiếp/BCCI</p>		<p>/chứng chỉ</p>	<p>- Luật kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bất động sản. - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản; điều hành, giao dịch bất động sản.</p>
III Lĩnh vực Phát triển đô thị							
8.	<p>Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt 1.002605.000.00.00.H50</p>	<p>Không quá 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư), trong đó: - Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng là 7 ngày kể từ ngày nhận được công văn và 15 bộ hồ sơ dự án hợp lệ của Chủ đầu tư; - Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; - Thời gian UBND cấp tỉnh xem</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp</p>		<p>Chưa quy định</p>	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị. - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.</p>

		xét, chấp thuận dự án tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.					
9.	Điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh 1.002526.000.00.00.H50	Thời hạn UBND cấp tỉnh xem xét và quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: thời hạn Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời Chủ đầu tư không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư. Trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan thì tổng thời gian xem xét trả lời không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp		Chưa quy định	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị. - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.
IV Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng và Kiến trúc							
10.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp		Thông tư số 01/2013/TT-BXD của Bộ	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.

	<p>dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh</p> <p>1.003011.000.00.00.H50</p>		công tỉnh			<p>Xây dựng (Chi phí)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị. - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. - Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.
11.	<p>Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê</p>	<p>20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp</p>		<p>Thông tư số 01/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng (Chi phí)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009. - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập,

	duyệt của UBND cấp tỉnh 1.002701.000.00.00.H50					<p>thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. - Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.
--	---	--	--	--	---	---

Tổng cộng: 11 TTHC

Phụ lục 2
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC XÂY DỰNG ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định: ~~144~~/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng						
1.	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) (cấp huyện) 1.007255.000.00.00.H50	- Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh: + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. - Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh: + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI	Thông tư số 209/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính		- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC

						ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở; Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế, phí thẩm định dự toán xây dựng	
2.	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. 1.007262.000.00.00.H50	- Đối với công trình của tổ chức: không quá 30 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 15 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. - Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
3.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. 1.007266.000.00.00.H50	- Đối với công trình của tổ chức: không quá 30 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 15 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP	- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. - Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
4.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng	- Đối với công trình của tổ chức: không quá 30	Bộ phận một cửa	Nộp hồ sơ trực		- Nhà ở riêng lẻ:	phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

	lê XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. 1.007285.000.00.00.H50	ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 15 ngày.	của UBND cấp huyện	tiếp/BCCI		100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP	
5.	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. 1.007286.000.00.00.H50	- Đối với công trình của tổ chức: không quá 30 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ của cá nhân: không quá 15 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP; - Công trình: 200.000đ/GP	
6.	Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. 1.007287.000.00.00.H50	Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		50.000đ/GP	
7.	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung	Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa của UBND	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI		- Nhà ở riêng lẻ: 100.000đ/GP;	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày

	tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. 1.007288.000.00.00.H50		cấp huyện			- Công trình: 200.000đ/GP	18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. - Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	---	--	-----------	--	--	---------------------------	---

Tổng cộng: 07 TTHC

2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí	Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật						
1.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh 1.002693.000.00.00.H50	Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Trực tiếp		Không quy định	- Luật số 30/2009/QH12 năm 2009 Về quản lý cây xanh đô thị - Luật Xây dựng 50/2014/QH13 năm 2014

							II Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/06/2010							
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;	- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.	- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;	- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.	- Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.	Thông tư số 01/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng	(Chi phí)	
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;	- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.	- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;	- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.	- Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.	Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.	- Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô	

3.	<p>Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.</p> <p>1.003141.000.00.00.H50</p>	<p>25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI</p>		<p>Thông tư số 01/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng (Chi phí)</p>	<p>thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009. - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị. - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. - Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.
----	---	--	---	---------------------------------	--	---	--

III	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng					
4.	<p>Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP</p> <p>1.007254.000.00.00.H50</p>	<p>Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI</p>	<p>Thông tư số 209/2016/TT-BTC; Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở; Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế, phí thẩm định dự toán xây dựng

Tổng cộng: 04 TTHC